

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **288/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, con
chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2003/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: 64/4/6, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1974

Thường trú: 64/4/6, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ;

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Anh Dũng, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà Th có đơn xin vắng mặt, ông M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Tô Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Th và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hoà, không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng đều không có kết quả. Hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 1 năm, cuộc sống hôn nhân không

còn hạnh phúc. Do đó đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông M có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tô C, sinh ngày 02/7/2007 và cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 13/7/2015. Ly hôn, bà Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Tr, giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tô C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông M vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Tô Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M là có cơ sở chấp nhận. Ngoài việc trình bày của bà Th về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh ông M hiện nay sinh sống tại địa phương nhưng Tòa án triệu tập nhiều lần ông M không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 13/7/2015 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Tô C, sinh ngày 02/7/2007 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Tô Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn, con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định bà Tô Thị Th là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh M là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M hiện đang sinh sống tại phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Tô Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Th và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 03/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Áp dụng vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà Thệ xác định không còn tình cảm với ông M, do hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn sự tôn trọng và quan tâm đến nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2022 (BL 47), tại địa phương nơi bà Th và ông M sinh sống sau khi kết hôn địa phương không biết về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà. Tuy nhiên, xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà Th và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông M đã được Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, không quan tâm đến việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà Thệ là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Th và ông M có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tô C, sinh ngày 02/7/2007 và cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 13/7/2015. Ly hôn, bà Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Tr, giao cháu Nguyễn Thị Tô C cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay, bà Th và ông M đã sống ly thân, cháu C hiện đang sống cùng ông M và có nguyện vọng được sinh sống với ông. Còn cháu Tr hiện nay đang sống cùng bà Th. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung xét đề nghị của bà Th là phù hợp nên chấp nhận. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông M vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Tô Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Th với bị đơn ông Nguyễn Thanh M về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Th, sinh năm 1976 được ly hôn với Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1974.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 13/7/2015 cho bà Tô Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Tô C, sinh ngày 02/7/2007 cho ông Nguyễn Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh M và bà Tô Thị Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông M thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông M vắng mặt không có lời khai nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Tô Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000494 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Tô Thị Th và bị đơn ông Nguyễn Thanh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu

